

Số: /KH-SNN

Lai Châu, ngày tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 2255/KH-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 2496/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ trong các Kế hoạch của UBND tỉnh Lai Châu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Kế hoạch là căn cứ để các phòng, đơn vị xác định nhiệm vụ trọng tâm và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2025.

2. Yêu cầu

Cần cụ thể được nhiệm vụ cho các phòng, đơn vị; gắn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, chất lượng triển khai với trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu và từng cá nhân cụ thể.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Chi tiết có biểu kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, đơn vị tổ chức quán triệt sâu sắc Kế hoạch này đến tất cả công chức, viên chức và người lao động, coi đây là nhiệm vụ quan trọng đầu tiên để tổ chức thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở trên cơ sở Kế hoạch này chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện của đơn vị mình, phân công cụ thể gắn với trách nhiệm cụ thể cá nhân; báo cáo thường xuyên, định kỳ hàng tháng, hàng quý, năm với các đồng chí Phó Giám đốc Sở phụ trách, trước khi báo cáo Giám đốc Sở

về kết quả, tiến độ thực hiện, những khó khăn vướng mắc, đề xuất giải pháp...; đồng thời gửi kết quả thực hiện đối với các nội dung, tiêu chí, chỉ tiêu do đơn vị thực hiện về Chi cục Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối nông thôn mới tổng hợp, báo cáo theo quy định.

3. Giao Chi cục Phát triển nông thôn chủ trì, làm đầu mối giúp Giám đốc Sở theo dõi, tổng hợp, phối hợp với cơ quan chủ trì các Chương trình: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh Lai Châu giao tại Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 và Kế hoạch số 2255/KH-UBND ngày 30/6/2022.

4. Giao Văn phòng điều phối nông thôn mới chủ trì, làm đầu mối, theo dõi, tổng hợp giúp Giám đốc Sở thực hiện các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được UBND tỉnh Lai Châu giao tại Kế hoạch số 2496/KH-UBND ngày 15/7/2022.

5. Các đồng chí Phó Giám đốc Sở theo các lĩnh vực được phân công, trực tiếp đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng. Chịu trách nhiệm trước tập thể Ban giám đốc về tiến độ, chất lượng tham mưu của các phòng, đơn vị phụ trách.

6. Giao Phòng Kế hoạch - Tài chính làm đầu mối theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch theo định kỳ hàng tháng tại các cuộc họp giao ban; Thanh tra Sở đề xuất kiểm tra giám sát việc thực hiện Kế hoạch; Phòng Tổ chức cán bộ theo dõi kết quả thực hiện làm cơ sở đánh giá, nhận xét phân loại tổ chức, cá nhân công chức, viên chức, người lao động hàng năm.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, KHTC. *lt*

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Châu

BIỂU 1: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÁM NGHEO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SNN ngày /12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Nội dung	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Phân công thực hiện	Ghi chú
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	Đến năm 2025, góp phần đạt 90% hộ đồng bào DTTS nghèo, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh			
-	Nội dung: Nước sinh hoạt	Đến 2025 năm, nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, du canh, du cư, di cư tự do; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng			
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết				
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị				
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	Đến năm 2025, tạo việc làm, thu nhập cho người dân lâm nghiệp rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu			
3.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
3.2.1	Nội dung số 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	Đến năm 2025, hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng, miền; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.			

STT	Nội dung	Mục tiêu	Nhiệm vụ	Phân công thực hiện	Ghi chú
-	Dự án, kế hoạch do cấp tỉnh thực hiện		Sở gtri Ban Dân Tộc để tổng hợp chung báo cáo theo quy định.	<p>Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì tổng hợp.</p> <p>Các đơn vị:</p> <p>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Chi cục Kiểm lâm..</p> <p>tổ chức triển khai thực hiện, đề xuất nhu cầu kinh phí, báo cáo nội dung thực hiện theo quy định</p>	
3.2.2	Nội dung số 2: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý	Đến năm 2025, bước đầu hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển được liệu quý; hình thành ý thức nuôi trồng được liệu theo chuỗi giá trị và bảo tồn nguồn gen được liệu đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng bền vững		Chi cục Kiểm lâm chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững				
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng				
-	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu UBND tỉnh quy định chi tiết nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. - Chi đạo, hướng dẫn UBND các huyện, các đơn vị được giao kinh phí tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định, đảm bảo tiến độ và chất lượng giải ngân, tránh kết dư vốn. - Kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. 	Chi cục Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan	

BIỂU 2: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SNN ngày /12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên đơn vị chủ trì	Các tiêu chí, chỉ tiêu giao phụ trách		
		Bộ tiêu chí xã NTM	Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao	Bộ tiêu chí huyện NTM
1	Văn phòng điều phối NTM	<p>Chỉ tiêu 18.6: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển thôn</p>	<p>Chỉ tiêu 13.2: Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn, thuộc chỉ số 13 về Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn</p>	
2	Chi cục Thủy lợi chủ trì, phối hợp với Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	<p>- Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai</p> <p>- Chỉ tiêu 17.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn</p>	<p>- Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai</p> <p>- Chỉ tiêu 18.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung</p> <p>- Chỉ tiêu 18.2: Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm</p> <p>- Chỉ tiêu 18.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững</p>	<p>- Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai</p> <p>- Chỉ tiêu 8.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung</p> <p>- Chỉ tiêu 8.2: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững</p>
3	Chi cục Phát triển nông thôn	<p>- Chỉ tiêu 13.2: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững</p> <p>- Chỉ tiêu số 13.4: Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường</p>	<p>- Chỉ tiêu 13.3: Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm</p> <p>- Chỉ tiêu 13.8: Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)</p>	<p>- Chỉ tiêu số 6.3: Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện</p>

STT	Tên đơn vị chủ trì	Các tiêu chí, chỉ tiêu giao phụ trách		
		Bộ tiêu chí xã NTM	Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao	Bộ tiêu chí huyện NTM
4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	<p>Chỉ tiêu 13.3: Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương</p> <p>Chỉ tiêu 13.5: Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả</p>	<p>Chỉ tiêu 13.4: Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã</p> <p>Chỉ tiêu 13.6: Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng</p> <p>Chỉ tiêu 17.7: Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường</p>	<p>Chỉ tiêu 6.4: Có trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả</p> <p>Chỉ tiêu 7.3: Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên</p>
5	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	<p>Chỉ tiêu 17.9: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường</p>	<p>Chỉ tiêu 17.8: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường</p>	
6	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	<p>Chỉ tiêu 17.10: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm</p>	<p>Chỉ tiêu 13.5: Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử</p> <p>Chỉ tiêu 18.4: Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm</p> <p>Chỉ tiêu 18.5: Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã</p> <p>Chỉ tiêu 18.6: Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm</p>	<p>Chỉ tiêu 8.5: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm</p>
7	Chi cục Kiểm lâm	<p>Chỉ tiêu 17.4: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn</p>	<p>Chỉ tiêu 17.11: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn</p>	<p>Chỉ tiêu số 2.3: Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường</p> <p>Chỉ tiêu 7.6: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn</p>